

Số: 47 /2020/QĐST-DS.

Đắk Hà, ngày 07 tháng 7 năm 2020.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 29 tháng 6 năm 2020 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 82/2020/TLST-DS ngày 18 tháng 6 năm 2020.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; Nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Đinh Thị U.

Địa chỉ: Tổ dân phố 4B, thị trấn Đ, huyện H, tỉnh T .

- **Bị đơn:** Ông Thái Văn Ng và bà Trần Thị H.

Địa chỉ: Tổ dân phố 6, thị trấn Đ, huyện H, tỉnh T .

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về số tiền phải trả:** Ông Thái Văn Ng và bà Trần Thị H phải trả cho chị Đinh Thị U số tiền nợ 80.700.000 đồng (*Tám mươi triệu bảy trăm ngàn đồng*). Trong đó tiền nợ gốc: 70.000.000 đồng (*Bảy mươi triệu đồng*) và tiền lãi: 10.700.000 đồng (*Mười triệu bảy trăm ngàn đồng*).

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các đương sự. Nhưng chị Đinh Thị U và ông Thái Văn Ng, bà Trần Thị H không có thỏa thuận với nhau về việc lãi suất phát sinh do chậm trả tiền.

Kể từ khi quyết định này được ban hành, chị Đinh Thị U (bên được thi hành án) có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Thái Văn Ng và bà Trần Thị H (bên phải thi hành án) không chịu trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng bên phải

thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả quy định tại Điều 357; Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Khoản 3 Điều 144; Khoản 3, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 3; Điều 6; Điều 18; điểm b khoản 1 Điều 24; Khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các đương sự phải chịu 50% mức án phí theo quy định của số tiền phải trả, tính được là 2.017.500 đồng (*Hai triệu không trăm mười bảy ngàn năm trăm đồng*). Số tiền này ông Thái Văn Ng, bà Trần Thị H thỏa thuận chịu toàn bộ.

Chị Đinh Thị U không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 2.017.500 đồng (*Hai triệu không trăm mười bảy ngàn năm trăm đồng*) mà chị Đinh Thị U đã nộp theo biên lai số AA/2016/0004279 ngày 18 tháng 6 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- TAND CC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh;
- Các đương sự ;
- Lưu hồ sơ vụ án .

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Đoàn Thị Kim Anh

